TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 9 – 2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Ông Phan Minh Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị X, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Đặng Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Th tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không hạnh phúc. Bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông Th được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Th có 05 người con chung tên Nguyễn Tấn D sinh năm 1986, Nguyễn Tấn Ph sinh năm 1988, Nguyễn Tấn K sinh năm 1990 (chết năm 2014), Nguyễn Tấn V sinh năm 1992, Nguyễn Lý

H sinh năm 1993, hiện các D, Ph, V, H đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà X xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà X xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn Th nhưng ông Th không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Th.

[2] Về hôn nhân: Bà X và ông Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà X và ông Th được xác lập vào năm 1985, mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn nhưng pháp luật vẫn thừa nhận là hôn nhân thực tế. Tại phiên tòa bà X cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông Th được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Th; đối với ông Th, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của bà X nhưng ông Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà X, điều này cho thấy ông Th đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của bà X với Thắng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà X, cho bà X được ly hôn với ông Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà X và ông Th có 05 người con chung tên Nguyễn Tấn K sinh năm 1990 (chết), Nguyễn Tấn D sinh năm 1986, Nguyễn Tấn Ph sinh năm 1988, Nguyễn Tấn V sinh năm 1992, Nguyễn Lý H sinh năm 1993, hiện các con của bà X và ông Th là D, Ph, V, H đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà X xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông Th không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà X xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông Th không có ý kiến gì về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Đặng Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị X. Cho bà Đặng Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003767 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng